

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 45/2020/HNGĐ-ST

Ngày 15/6/2020

V/v Tranh chấp ly hôn

1
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Lê Quế Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Út;

Ông Dương Trần Trọng Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tiểu Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 15 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 113/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thanh K, sinh năm: 1990; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh T.

- *Bị đơn:* Anh Võ Văn N, sinh năm: 1987; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh K trình bày:

Chị và anh Võ Văn N chung sống với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 18 ngày 16/3/2009. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 3/2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, anh N không chăm lo cho gia đình, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau. Gia đình hai bên có hòa giải cho anh chị nhưng không được. Nay nhận thấy mâu

thuần vợ chồng trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Võ Hoàng Duy K, sinh ngày 13/9/2009 và Võ Hoàng Tấn Đ, sinh ngày 29/10/2014. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là cháu K và cháu Đ. chị K yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/01 con chung cho đến khi cháu K và cháu Đ đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị K yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con đối với cháu K.

- Bị đơn anh Võ Văn N trình bày: Anh thống nhất với những lời trình bày của chị K về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Về mâu thuẫn như chị K trình bày là không đúng, giữa vợ chồng anh chị không có mâu thuẫn gì lớn. Nay anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị K do anh còn thương vợ con, anh mong muốn vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Võ Hoàng Duy K, sinh ngày 13/9/2009 và Võ Hoàng Tấn Đ, sinh ngày 29/10/2014. Trường hợp Tòa án xem xét cho anh chị ly hôn thì anh đồng ý giao 02 con chung cho chị K được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh N đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét thấy, chị K yêu cầu được ly hôn với anh N nên đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn anh N có nơi cư trú tại huyện Cai Lậy nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị Nguyễn Thị Thanh K và anh Võ Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 18 ngày 16/3/2009 nên là hôn nhân hợp pháp. chị K xác định sau thời gian chung sống hạnh phúc thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn như trên. Nay chị K xác định mâu thuẫn không thể giải quyết được, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị K

yêu cầu được ly hôn với anh N. Tại phiên tòa, anh N cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị K. Xét thấy sự thuận tình ly hôn của chị K và anh N là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị K và anh N về việc giao 02 con chung tên Võ Hoàng Duy K, sinh ngày 13/9/2009 và Võ Hoàng Tấn Đ, sinh ngày 29/10/2014 cho chị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Võ Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, chị K yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, chị K không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con đối với cháu K. anh N cho rằng hiện điều kiện kinh tế của anh còn khó khăn nên anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy “cha mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con” nên việc chị K yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi và có khả năng lao động là phù hợp với thu nhập, khả năng thực tế của anh N và nhu cầu thiết yếu của con chung là cháu Đ theo quy định tại Điều 107, Điều 110 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị K.

chị K không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con đối với cháu K nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: chị K và anh N không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: chị K và anh N không yêu cầu giải quyết về nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh K phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh K.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận⁴sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thanh K với anh Võ Văn N.

Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị K và anh N về việc giao hai con chung Võ Hoàng Duy K, sinh ngày 13/9/2009 và Võ Hoàng Tấn Đ, sinh ngày 29/10/2014 cho chị Nguyễn Thị Thanh K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Võ Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Buộc anh Võ Văn N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Thực hiện cấp dưỡng nuôi con ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị K có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh N chậm thi hành nghĩa vụ cấp dưỡng, thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. chị K đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005190 ngày 20/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Vậy chị K đã thi hành xong án phí.

anh N phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thanh K, anh Võ Văn N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Ngô Lê Quế Thanh